

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 636/2019/DS-PT  
Ngày: 09/7/2019  
*V/v Tranh chấp yêu cầu xác định phần  
sở hữu và phần quyền sử dụng tài sản  
của người có nghĩa vụ phải thi hành án.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Văn Hiền**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Bùi Liên Minh**;

Bà **Phan Thị Út**.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Bùi Nguyễn Phương Ngân** –  
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà **Nguyễn Thị  
Mộng Linh** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/4/2019, ngày 11/4/2019, ngày 15/5/2019, ngày 14/6/2019 và ngày 09/7/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 682/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp yêu cầu xác định phần sở hữu và phần quyền sử dụng tài sản của người có nghĩa vụ phải thi hành án*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 523/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 716/2019/QĐPT-DS ngày 20/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1474/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019 và số 1645/2019/QĐ-PT ngày 25/3/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2231/2019/QĐPT-DS ngày 11/4/2019 và số 3250/2019/QĐPT-DS ngày 15/5/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2494/2019/QĐPT-DS ngày 31/5/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4305/2019/QĐPT-DS ngày 14/6/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2938/2019/QĐPT-DS ngày 02/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Anh T** – sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 5 V, phường I, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Cao Võ K** – sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Võ Thị H** – sinh năm 1952.

2. Ông **Võ Thành Đ** – sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông Đ: Ông Cao Võ K – sinh năm 1976 (có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 32078 ngày 22/5/2017 tại Phòng Công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Võ Thành D** – sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 13/33 đường số W, khu phố W, phường I, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông **Võ Thành M** – sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 611 K, khu phố 6, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn ông Huỳnh Anh T trình bày:***

Theo bản án số 442/2015/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thông báo thi hành án số 1420/CCTHA ngày 11/05/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức thì ông Cao Võ K có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Anh T số tiền 750.600.000 đồng. Tuy nhiên cho tới nay ông Khoa vẫn không thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền nào.

Do chưa xác định được phần sở hữu và quyền sử dụng đất của ông Cao Võ K đối với nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điều 74 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, ông Huỳnh Anh T khởi kiện và yêu cầu tòa án xác định phần sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của ông Cao Võ K trong căn nhà và đất trên, đề nghị Tòa án xác định ông Khoa được hưởng 7/12 phần nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Cao Võ K là cháu ruột của bà Trần Thị O, chết năm 2013 và ông Võ Thành J, chết năm 1994. Ông Võ Thành J và bà Trần Thị O có tất cả 04 người con gồm bà Võ Thị H sinh năm 1952 (ông Cao Võ K là con của Võ Thị H), Võ Thành D sinh năm 1950 và Võ Thành M sinh năm 1955, ông Võ Thành C. Ngoài ra ông Võ Thành J còn có 01 bà vợ nữa tên là Nguyễn Thị G.

***\* Bị đơn ông Cao Võ K trình bày:***

Bản án 442/2015/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xác định ông Cao Võ K có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Anh T số tiền 750.600.000 đồng, do không có tiền nên cho tới nay chưa thanh toán cho ông T bất kỳ khoản tiền nào. Bản án này ông K không có kháng cáo.

Nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà Trần Thị O, chết ngày 11/5/2013 và ông Võ Thành J, chết năm 1994. Ngày 28/7/2009, bà Trần Thị O làm hợp đồng tặng cho Cao Võ K tài sản nêu trên, hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/5/2013, bà Trần Thị O đã lập di chúc có 02 người làm chứng, sau khi bà Trần Thị O qua đời thì di sản là nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh để lại cho ông Võ Thành Đ được hưởng.

Ông Huỳnh Anh T khởi kiện yêu cầu tòa án xác định phần sở hữu và quyền sử dụng đất của ông Cao Võ K trong căn nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T yêu cầu Tòa án xác định ông Khoa được hưởng 7/12 phần nhà và đất 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông K không đồng ý vì lý do căn nhà này đã được bà Trần Thị O đã lập di chúc có 02 người làm chứng, theo đó sau khi bà Trần Thị O qua đời thì di sản là nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh để lại cho ông Võ Thành Đ được hưởng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đo vẽ, định giá tài sản, thẩm định tại chỗ khi không có mặt ông là vi phạm tố tụng; việc tòa án không đo vẽ hết, cũng như không tiến hành định giá phần xây dựng thêm là sai (không đúng hiện trạng thực tế).

***\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:***

- Ông Võ Thành Đ do người đại diện theo ủy quyền ông Cao Võ K trình bày:

Từ ngày bà Trần Thị O chết đến nay ông không nghĩ là bà O có để lại di chúc, đến ngày 22/9/2017 thì ông phát hiện tờ di chúc dưới đất, theo di chúc lập ngày 09/5/2013, bà Trần Thị O đã lập di chúc có 02 người làm chứng, theo đó sau khi bà Trần Thị O qua đời thì di sản là nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh để lại cho ông Võ Thành Đ được hưởng toàn bộ.

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết chia thừa kế theo di chúc lập ngày 09/5/2013 di sản là nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó không đồng ý yêu cầu của ông Huỳnh Anh T.

- Bà Võ Thị H do người đại diện theo ủy quyền ông Cao Võ K trình bày:

Nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh do cha mẹ bà tạo lập từ năm 1954, đến năm 1990 thì căn nhà này bị sập nên bà H là người phải bỏ tiền ra xây dựng mới lại toàn bộ. Đến năm 2006 thì bà H bỏ tiền ra xây dựng thêm 5m<sup>2</sup> và xây dựng thêm công rào, chưa được công nhận quyền sở hữu. vì vậy Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành định giá chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở chưa được cập nhật phần xây dựng thêm là sai (không đúng hiện trạng thực tế).

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh khi xét xử chia thừa kế chỉ chia phần đất riêng, còn phần nhà do bà H bỏ tiền ra xây nên tòa án phải chia cho bà Võ Thị H. Đồng thời ngày 26/10/2016 và ngày 30/10/2017 ông Võ Thành D, ông Võ Thành M đã làm tờ cam kết có chứng nhận tại Văn phòng

công chứng Quận 9 với nội dung là phần thừa kế của ông Võ Thành D và ông Võ Thành M đối với nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh thì để lại cho bà Võ Thị H được hưởng.

- Ông Võ Thành D trình bày: Căn cứ vào bản án số 442/2015/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thì tài sản của ông K chỉ có phần tài sản của bà Trần Thị O để lại, phần còn lại của ông Võ Thành J được chia cho Võ Thành D, Võ Thành M, Võ Thị H. Phần ông D được hưởng di sản khi tòa phân chia thừa kế đối với nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh thì để lại cho bà Võ Thị H được hưởng toàn bộ.

- Ông Võ Thành M có làm tờ cam kết nộp cho tòa án xác định nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là do bà Trần Thị O và ông Võ Thành J tạo lập chết để lại. Phần ông M được hưởng di sản khi tòa phân chia thừa kế đối với nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh thì để lại cho bà Võ Thị H được hưởng toàn bộ.

**\* Tại bản án số 523/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 74 của luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Xác định ông Cao Võ K được sở hữu và quyền sử dụng 7/12 (bảy phần mười hai) giá trị của căn nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Buộc ông Cao Võ K phải nộp 35.754.615 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm mười lăm đồng).

[2.2] Trả lại cho ông Huỳnh Anh T số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai số 0007864 ngày 27/5/2016.

[3] Chi phí tố tụng khác: Buộc ông Cao Võ K phải hoàn trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 07/11/2018, bị đơn ông Cao Võ K nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 09/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn là người kháng cáo ông Cao Võ K đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm. Căn cứ và nội dung kháng cáo: ông Huỳnh Anh T là người khởi kiện nhưng bản án sơ thẩm ghi rằng ông Cao Võ K là người khởi kiện; Bản án sơ thẩm nêu ông K là người phát hiện ra tờ di chúc nằm dưới đất là không đúng; Giấy khai sinh của ông Võ Thành C – sinh năm 1971 nhưng bản án sơ thẩm ghi năm 1974; Không có chứng cứ chứng minh ông Võ Thành M, ông Võ Thành C là con của ông Võ Thành J; Không đồng ý việc Tòa cấp sơ thẩm buộc ông K trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 3.000.000 đồng là chi phí định giá tài sản; Ông Võ Thành Đ không nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên bị mất quyền kháng cáo; Do không nhận được thông báo thụ lý, thông báo thẩm định nên không tham gia đo vẽ và định giá tài sản; Ngày 12/10/2017, ngày 16/11/2017 có nộp 02 lá đơn khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc khiếu nại văn bản số 24/TAQTĐ ngày 22/9/2017 và số 33/TAQTĐ ngày 06/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân quận thủ Đức, nhưng Chánh án Thành phố Hồ Chí Minh không giải quyết khiếu nại nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người kháng cáo bà Võ Thị H do ông Cao Võ K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm. Căn cứ và nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm chưa tách phần tiền bà H bỏ ra xây dựng căn nhà; Giấy khai sinh của ông Võ Thành C – sinh năm 1971 nhưng bản án sơ thẩm lại ghi nhầm năm 1974; Không có chứng cứ chứng minh ông Võ Thành M, ông Võ Thành C là con của ông Võ Thành J; Không đồng ý việc Tòa cấp sơ thẩm buộc ông K trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 3.000.000 đồng là chi phí định giá tài sản; Ông Võ Thành Đ không nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên bị mất quyền kháng cáo; Do không nhận được thông báo thụ lý, thông báo thẩm định nên không chứng kiến đo vẽ và định giá tài sản; Ngày 12/10/2017, ngày 16/11/2017 có nộp 02 lá đơn khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc khiếu nại văn bản số 24/TAQTĐ ngày 22/9/2017 và số 33/TAQTĐ ngày 06/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân quận thủ Đức, tuy nhiên Chánh án Thành phố Hồ Chí Minh chưa giải quyết 02 đơn khiếu nại nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành Đ do ông Cao Võ K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 09/11/2018 ông Đ có nộp đơn kháng cáo cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kể từ ngày ông Đ nộp đơn kháng cáo cho đến nay thì Tòa án nhân dân quận Thủ Đức không giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Đ, điều này ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của ông Đ. Do đó, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Huỳnh Anh T trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, bà H, đề nghị y án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành D, ông Võ Thành M vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, không rõ lý do, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Khoa, bà H, hủy bản án sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Huỳnh Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành D, ông Võ Thành M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần hai, không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông T, ông D, ông M. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/5/2019, ngày 14/6/2019, ngày 09/7/2019 nguyên đơn ông Huỳnh Anh T có mặt, Hội đồng xét xử ghi nhận sự có mặt của ông T.

Quan hệ tranh chấp: đây là vụ án yêu cầu xác định phần sở hữu và phần quyền sử dụng tài sản của người có nghĩa vụ phải thi hành án là ông Cao Võ K đối với căn nhà và đất số 784/1 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2016 của ông Huỳnh Anh T) theo quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 74 của luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Do các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để họ tự hòa giải nên hội đồng xét xử ban hành lần lượt các Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3250/2019/QĐPT-DS ngày 15/5/2019 và số 4305/2019/QĐPT-DS ngày 14/6/2019 tạm ngừng phiên tòa trong thời hạn 03 tuần để các đương sự thỏa thuận. Tuy nhiên, các đương sự không đạt được sự thỏa thuận nên hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1.1] Bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H kháng cáo cho rằng ngày 12/10/2017, ngày 16/11/2017 có nộp 02 lá đơn khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc khiếu

nại văn bản số 24/TAQTĐ ngày 22/9/2017 và số 33/TAQTĐ ngày 06/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, tuy nhiên vẫn không thấy Chánh án Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết 02 đơn khiếu nại nói trên. Ông Khoa, bà H khiếu nại việc Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt văn bản tố tụng liên quan đến việc định giá, đo vẽ và thẩm định tại chỗ; khiếu nại việc định giá, đo vẽ và thẩm định tại chỗ không đúng với hiện trạng thực tế. Xét thấy, quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, trong đó có ông Cao Võ K nhưng ông K không có mặt, không mở cửa cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đo vẽ, thẩm định tại chỗ nên không đo vẽ hiện trạng được, Hội đồng định giá chỉ định giá nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận; còn phần chưa được cấp giấy chứng nhận chưa được đo vẽ hiện trạng, chưa được công nhận quyền sở hữu nên Hội đồng định giá không định giá phần này, khiếu nại quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc khiếu nại ông K cũng được Chánh án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết bằng văn bản số 33/TAQTĐ ngày 06/11/2017 và số 24/2017/TAQTĐ ngày 22/9/2017, tại phiên tòa phúc thẩm ông Khoa xác nhận đã nhận được Quyết định số 1038/2018/QĐ-TATP ngày 28/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết khiếu nại hai văn bản trên của Chánh án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức là đúng với khoản 5 Điều 507 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *“Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực thi hành”* nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo này.

[3.1.2] Ông K, bà H kháng cáo không đồng ý với việc Tòa án nhân dân quận Thủ Đức buộc ông K phải trả cho ông Huỳnh Anh T số tiền 3.000.000 đồng là chi phí định giá tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự nhưng ông K, bà H không có mặt, không mở cửa cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đo vẽ, thẩm định tại chỗ đồng thời căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 quy định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, thẩm định giá thì: *“Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc ông K phải hoàn trả số tiền chi phí cho việc định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng 3.000.000 đồng cho ông Huỳnh Anh T (do ông T đã chi tạm ứng) là có cơ sở.

[3.1.3] Ông K, bà H kháng cáo vào ngày 09/11/2018 ông Võ Thành Đ có nộp đơn kháng cáo cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kể từ ngày ông Đ nộp đơn kháng cáo cho đến nay thì Tòa án nhân dân quận Thủ Đức không giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Đ. Đồng thời, ông K không trình bày có phát hiện tờ di chúc nằm dưới đất, chỉ có ông Đ nộp bản di chúc cho Tòa cấp sơ thẩm nhưng trong bản án lại ghi là ông K phát hiện.

Xét thấy, ông K là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành Đ (theo Giấy ủy quyền số 32078 ngày 22/5/2017 tại Phòng Công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh), phạm vi và

thời hạn đại diện chưa kết thúc theo Điều 140, Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2015, ông K có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bản án sơ thẩm có nêu “Ông Võ Thành Đ có ông Cao Võ K trình bày: Từ ngày bà Trần Thị O chết đến nay ông không nghĩ là bà O có để lại di chúc, đến ngày 22/9/2017 thì ông phát hiện tờ di chúc dưới đất...” Như vậy đây là lời trình bày của ông K – là người đại diện theo ủy quyền thay cho ông Đ chứ không phải lời khai của ông K.

Theo Biên bản tổng đạt ngày 04/12/2018 (BL 526) có nội dung “thực hiện việc tổng đạt Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với các đương sự: Cao Võ K, Võ Thành Đ, Võ Thị H” và tại phiên tòa phúc thẩm ông K cũng thừa nhận có ký nhận Biên bản trên. Ông Võ Thành Đ có đơn kháng cáo đề ngày 09/11/2018, vào ngày 04/12/2018, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Võ Thành Đ do người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Võ K nhận, ngày 17/12/2018 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức có Thông báo trả lại đơn kháng cáo số 373/TB-TA ngày 17/12/2018 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 146, khoản 2 Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

[3.1.4] Ông K, bà H kháng cáo cho rằng ông Võ Thành M, ông Võ Thành C không phải con của ông Võ Thành J.

Bản án số 442/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã có hiệu lực pháp luật có ghi nhận: “Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ khẩu do công an quận Thủ Đức cung cấp, lời khai của các người liên quan thì bà O ông J có 03 người con là bà Võ Thị H, ông Võ Thành D và ông Võ Thành M” điều này phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là “những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật...”

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/7/2019 và Đơn tường trình (bổ sung) đề ngày 05/7/2019 của ông Cao Võ K cung cấp ngày 08/7/2019, ông K trình bày ông Võ Thành J trong giấy khai sinh của ông Võ Thành C là hai người khác nhau, nên ông Võ Thành C không phải là con của ông J chồng bà Trần Thị O. Xét thấy, ngày 29/3/2019, ông Cao Võ K cung cấp: Đơn tường trình đề ngày 25/3/2019 của bà Võ Thị H; Đơn tường trình đề ngày 29/3/2019 của ông Cao Võ K. Ngày 06/5/2019, ông Cao Võ K cung cấp: Đơn tường trình (bổ sung) đề ngày 15/4/2019 của ông Cao Võ K. Tại mục 5 của các đơn trên có đề cập ông Võ Thành J và bà Nguyễn Thị G có con chung là ông Võ Thành C. Hơn nữa, phiên tòa phúc thẩm ngày 03/4/2019, ông K cũng thừa nhận ông Võ Thành J chồng bà Trần Thị O tức ông ngoại ông K, chung sống với bà Nguyễn Thị G trước năm 1974, ở tại Nha Trang có con là Võ Thành C, sinh năm 1971, thể hiện ở Giấy khai sinh số 2812 đăng ký ngày 10/8/1976 (BL 369) - điều này hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của ông K tại phiên tòa ngày 09/7/2019 và Đơn tường trình (bổ sung) đề ngày 05/7/2019, đồng thời ông cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, có cơ sở không chấp nhận



yêu cầu kháng cáo này, đồng thời do ông Võ Thành J và bà Nguyễn Thị G chung sống với nhau trước năm 1974 nên căn cứ Nghị quyết 35 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Thành J và bà Nguyễn Thị G là hôn nhân hợp pháp.

[3.1.5] Ông K, bà H kháng cáo cho rằng Tòa cấp sơ thẩm chưa tách phần tiền bà H đóng góp xây dựng căn nhà là không đúng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, ông D, ông M, ông Đ có yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét. Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì ông T tranh chấp yêu cầu xác định phần sở hữu và phần quyền sử dụng tài sản của ông K đối với căn nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là người có nghĩa vụ phải thi hành án căn cứ bản án số 442/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật. Do đó bà H, ông D, ông M, ông Đ nếu có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3.1.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K trình bày có các biên bản tổng đạt ngày 29/8/2017, ngày 20/12/2018 không phải chữ viết, chữ ký của ông K, nhưng ông K không có yêu cầu giám định hoặc chứng cứ gì nên hội đồng xét xử không xét theo Điều 91, Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.1.7] Ông K, bà H kháng cáo Tòa cấp sơ thẩm có sai sót trong việc ghi nhận tại bản án “*ông Cao Võ K khởi kiện*” và ghi nhầm năm sinh ông Võ Thành C – sinh năm 1974 thay vì năm 1971. Xét thấy, đây là sai sót do nhầm lẫn của cấp sơ thẩm. Tuy nhiên không ảnh hưởng nghiêm trọng đến bản chất vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của xác đương sự trong vụ án nên Tòa cấp sơ thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Cao Võ K phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Anh T được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào biên bản định giá ngày 21/4/2017 thì giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức công nhận và cấp giấy chứng nhận nhà và đất số 784/1 K, khu phố 5, phường L, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.360.912.056 đồng. Căn cứ vào Nghị quyết 326 của UBTWQH ngày 30/12/2016 ông Cao Võ K phải chịu án phí trên phần giá trị 7/12. Cụ thể ông Cao Võ K phải chịu là 35.754.615 đồng.

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với trường hợp bà Võ Thị H (sinh năm 1952) theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi 2009: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*” và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H là đối tượng được miễn nộp án phí.

[3.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 523/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 26, Điều 86, Điều 91, Điều 92, Điều 102, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 276, Điều 293, Điều 296, Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315, khoản 5 Điều 507 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 140, Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 74 của luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

\* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

\* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Cao Võ K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 523/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Anh T.

Xác định ông Cao Võ K được sở hữu và quyền sử dụng 7/12 (bảy phần mười hai) giá trị của căn nhà và đất 784/1 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Cao Võ K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.754.615 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Huỳnh Anh T là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007864 ngày 27/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Cao Võ K phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0023019 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H không phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho bà Võ Thị H theo biên lai thu số AA/2018/0023020 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM);
- TAND quận Thủ Đức;
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM);
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Trương Văn Hiền**